

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠNG GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/3/2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn La

2. Ông Phạm Đình Thìn

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LG.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 399/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐ-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện LG, tỉnh BG.

*(Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**2. Bị đơn:** Anh Phạm Văn M, sinh năm 1973- *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện LG, tỉnh BG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị và anh Phạm Văn M trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2000 tại UBND xã X, huyện LG. Anh chị được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh M làm dâu ngay và sống cùng với bố mẹ anh M khoảng 03 năm sau đó ra ở riêng. Thời gian đầu, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Từ năm 2009, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M không chịu

làm ăn, cờ bạc và rượu chè nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Từ tháng 4 năm 2018, chị về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng chị ly thân từ đó cho đến nay. Mặc dù nhà bố mẹ để chị ở cùng thôn nhưng anh M không qua lại hỏi han, bố để chị bị bệnh ung thư khi bố chị mất anh M cũng không sang nhà. Một mình chị lo toan cho con cái ăn học. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh M, vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh M có 03 con chung là Phạm Thị Thu Hà, sinh ngày 07/10/2001, Phạm Xuân Bính, sinh ngày 12/4/2006 và Phạm Hồng Ngọc, sinh ngày 07/12/2009. Hiện nay cháu Hà đang học Đại học Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp Hà Nội, cháu Bính và cháu Ngọc đang ở cùng chị, cháu Hà đã trưởng thành, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả hai cháu là Phạm Xuân Bính và Phạm Hồng Ngọc cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Phạm Văn M trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý, triệu tập đến làm việc, thông báo thA gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa song anh M không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án. Anh M tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa.

\* Tại Biên bản xác minh ngày 09/12/2020 của Tòa án với chính quyền địa phương thì đại diện chính quyền địa phương cho biết: Chị H, anh M là công dân sinh sống tại địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống, địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh M, chị H. Địa phương chỉ biết anh M và chị H ly thân khoảng 2 năm nay. Hiện chị H đang ở nhà mẹ đẻ ở cùng thôn. Giữa anh M và chị H có 03 người con chung là cháu Phạm Thị Thu Hà sinh năm 2001, cháu Phạm Xuân Bính sinh năm 2006, cháu Phạm Hồng Ngọc sinh năm 2009. Cháu Hà hiện đang học đại học, cháu Bính và cháu Ngọc hiện đang ở cùng chị H. Anh M hiện vẫn cư trú sinh sống tại địa phương nhưng anh M đi làm công trình quanh xã nên sáng đi, tối về. Đại diện chính quyền địa phương đồng ý phối hợp với Tòa án để thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh M. Việc chị H khởi kiện xin ly hôn anh M và giải quyết về con chung địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Cháu Phạm Xuân Bình và cháu Phạm Hồng Ngọc là con chung của chị H, anh M đều có đơn trình bày nguyện vọng gửi đến Tòa án với nội dung các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

\* Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của thư ký đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Đối với bị đơn đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, HĐXX căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, kiểm sát viên đã phân tích đánh giá thực trạng mâu thuẫn của chị H, anh M đã trầm trọng, kéo dài, đến nay vợ chồng không thể chung sống đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H và anh M ly hôn. Về con chung, đề nghị giao cả hai cháu Phạm Xuân Bình, sinh ngày 12/4/2006 và Phạm Hồng Ngọc, sinh ngày 07/12/2009 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, phân chia tài sản chung, chị H không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về quyền kháng cáo của đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị H thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LG theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh M kết hôn năm 2000 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu; đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện LG, tỉnh BG, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, qua xác minh với chính quyền địa phương thì thấy cuộc sống vợ chồng chị H, anh M có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo

chị H trình bày là do anh M không chịu làm ăn, cờ bạc và rượu chè nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng không còn quan tâm nhau. Từ giữa năm 2018, chị H đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ, sau đó gửi đơn xin ly hôn, bản thân chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng, bản thân anh M không đến Tòa án làm việc. Mặc dù không có lời khai của anh M, song xét tình trạng mâu thuẫn giữa chị H, anh M đã trầm trọng, kéo dài, chị H kiên quyết xin ly hôn, HĐXX căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn M ly hôn.

[3]. Về con chung: Chị H và anh M có 03 con chung là Phạm Thị Thu Hà, sinh ngày 07/10/2001, Phạm Xuân Bính, sinh ngày 12/4/2006 và Phạm Hồng Ngọc, sinh ngày 07/12/2009. Hiện nay cháu Hà đang học Đại học Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp Hà Nội, cháu Bính và cháu Ngọc đang ở cùng chị H, được chị H chăm sóc. Xét yêu cầu của chị H đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu Phạm Xuân Bính và Phạm Hồng Ngọc cho chị nuôi dưỡng, cháu Phạm Thị Thu Hà hiện đã trưởng thành chị H không yêu cầu xem xét giải quyết, phía anh M không có quan điểm gì về nuôi con, hiện cháu Bính và cháu Ngọc đang ở cùng chị H, anh M ở cùng thôn nhưng theo trình bày của chị H anh M không quan tâm tới các con. Hơn nữa cả cháu Bính và cháu Ngọc đều có nguyện vọng muốn ở cùng mẹ nên Hội đồng xét xử thấy: để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, cũng như để ổn định, không gây xáo trộn cuộc sống của cháu Bính và cháu Ngọc nên giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Phạm Xuân Bính và Phạm Hồng Ngọc là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 70, Điều 71, Điều 72; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn M.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Xuân Bính, sinh ngày 12/4/2006 và Phạm Hồng Ngọc, sinh ngày 07/12/2009.

Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

4. Án phí:

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002674 ngày 16/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG. Xác nhận chị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện BG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- TAND tỉnh BG;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Vũ Thị Thiêm**